

Công ty TNHH MTV lâm
nghiệp Bảo Lâm
MST: 58 00000 992

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 135 BC/Cty

Bảo Lâm, ngày 30 tháng 5 năm 2018

PHỤ LỤC X

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động:

+ Tiền lương được hưởng theo định suất quản lý bảo vệ rừng và tiền lương hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả xếp loại hàng năm

+ Tiền thưởng được căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và xếp loại hàng năm của doanh nghiệp.

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp:

+ Tiền lương của viên chức quản lý gồm 04 người (Chủ tịch hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám Đốc và Kiểm soát viên chuyên trách) Hưởng lương cơ bản theo Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/3/2013 của Chính Phủ

+ Tiền thưởng căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và xếp loại hàng năm của doanh nghiệp.

+ Thù lao của Hội đồng thành viên (3 người)

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động được các Sở ban ngành thẩm định hàng năm

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp được các Sở ban ngành thẩm định hàng năm

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động: Theo quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp được thực hiện theo Nghị định 51/2013/NĐ-CP

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm trước liền kề năm báo cáo năm 2016 | | Năm báo cáo 2017 |
|------------|--|------------------|--|-----------|------------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| I | HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP | | I | I | I |
| II | TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG | | | | |
| 1 | Lao động | Người | 87 | 87 | 88 |
| 2 | Mức tiền lương bình quân | 1.000 đ/tháng | 5.956 | 6.212 | 5.765 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 6.218 | 6.486 | 6.088 |
| 4 | Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động | Triệu đồng | 568 | 578 | 1.101 |
| 5 | Thu nhập bình quân | 1.000 đ/tháng | 6.250 | 6.766 | 6.808 |
| III | TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP | | | | |
| 1 | Số người quản lý doanh nghiệp | Người | 3 | 3 | 4,08 |
| 2 | Mức lương cơ bản bình quân | Triệu đồng/tháng | 25,33 | 25,33 | 24,73 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 1.133 | 1.133 | 1.211 |
| 4 | Mức tiền lương bình quân | Triệu đồng/tháng | 31,47 | 31,47 | 24,73 |
| 5 | Quỹ tiền thưởng | Triệu đồng | 94,45 | 141,7 | 111 |
| 6 | Tiền thưởng, thu nhập | Triệu đồng | 1.227,45 | 1.274,7 | 1.322 |
| 7 | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý | Triệu đồng/tháng | 34,09 | 35,4 | 27 |

Nơi gửi:

- Như trên
- Sở Kế hoạch, Sở Tài chính
- Lưu VT



Nguyễn Đức Tuấn